TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2022/DS-ST
Ngày 12-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Vân.

Bà Mai Thị Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 358/2022/QĐXXST–DS ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP SG(gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP SG- ông Chu Toàn Thắng là Chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng TMCP SG– Chi nhánh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường MQ, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà Đôn Thị Ngọc C, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 44/9, khóm Mỹ Phú, phường MQ, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải ông Chu Toàn Thắng đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGtrình bày:

Ngày 15/08/2020, bà Đôn Thị Ngọc C có ký với Ngân hàng TMCP SG– Chi nhánh An Giang Hợp đồng tín dụng số: 00162-00392 và 00162-00393 để vay số tiền vốn 100.000.000 đồng; thời hạn vay: 365 ngày; mục đích sử dụng vốn vay bổ sung vốn kinh doanh rau củ; lãi suất 24%/năm góp đều; vay không áp dụng biện pháp bảo đảm. Phương thức thanh toán: Góp vốn, lãi hàng ngày. Cụ thể: Hợp đồng 00162-00392: Số tiền góp mỗi ngày là 97.000 đồng (Trong đó: vốn 82.200 đồng, lãi 14.800 đồng). Hợp đồng 00162-00393: Số tiền góp mỗi ngày là 226.400 đồng (Trong đó: vốn 191.800 đồng, lãi 24.600 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng số 00162-00392 bà C góp được 254 ngày với số tiền vốn 24.395.800 đồng, lãi là 281.200 đồng. Hợp đồng số 00162-00393 bà C góp được 141 ngày với tiền vốn 31.265.000 đồng, lãi là 657.400 đồng. Từ ngày 15/11/2020 cho đến nay bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 02/6/2022 bà C còn nợ Ngân hàng 111 ngày của Hợp đồng số 00162-00392, 224 ngày của Hợp đồng số 00162-00393, chưa góp với số tiền vốn, lãi là 61.401.000 đồng, vốn gốc là 44.339.200 đồng, lãi là 17.061.800 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Đôn Thị Ngọc C phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi nêu trên và chịu án phí theo quy định.

Bị đơn bà Đôn Thị Ngọc C vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Đôn Thị Ngọc C vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ngày 15/8/2020 bà C và Ngân hàng TMCP SGthỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số: 00162-00392 và 00162-00393, để bà C vay số tiền 100.000.000 đồng, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh rau củ, tính đến ngày 02/6/2022 còn nợ tiền vốn gốc là 44.339.200 đồng, lãi là 17.061.800 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 61.401.000 đồng.

Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Quyết định số 2206/2020/QĐ-NS v/v điều động và bổ nhiệm nhân sự; Giấy ủy quyền của Tổng Giám đốc số 3161/2021/GUQ-PL v/v ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng; Giấy ủy quyền cho ông Chu Toàn Thắng; CMND số 351863162 của Chu Toàn Thắng; Bản tự khai; Bảng kê tính lãi; Hợp đồng tín dụng số 00162-00392 và 00162-00393; CMND tên Ngọc C; Hộ khẩu thường trú; biên bản xác minh tình trạng cư trú……

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác đúng quy định mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 15/8/2020 bà C có ký với Ngân hàng TMCP SGHợp đồng tín dụng số: 00162-00392 và 00162-00393 để vay số tiền 100.000.000 đồng, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh rau củ. Từ khi vay đến nay bà C thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày 02/6/2022 còn nợ số tiền vốn là 44.339.200 đồng, lãi là 17.061.800 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 61.401.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà C phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi là 61.401.000 đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà C với Ngân hàng TMCP SGngày 15/8/2020, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ kèm theo trong đó có Hợp đồng tín dụng số:

00162-00392 và 00162-00393, ngày 15/8/2020 cho bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Tòa án chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Xét, Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Đôn Thị Ngọc C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi còn nợ là 61.401.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGđối với bị đơn bà Đôn Thị Ngọc C: Buộc bà Đôn Thị Ngọc C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGsố tiền vốn, lãi tổng cộng là 61.401.000 đồng (trong đó: vốn gốc là 44.339.200 đồng, lãi là 17.061.800 đồng).

2. Về án phí:

- Bà Đôn Thị Ngọc C phải chịu 3.070.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGđược nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 1.535.000 đồng theo Biên lai thu số: 0001461 ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Ngọc Hân Lê Thị Thanh Vân

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:
1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình | Huỳnh Công Tấn | Ngô Ngọc Phỉ